

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **19/2020/DS-ST**

Ngày : 17-6-2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Lê Thị Sáu**

2. Ông **Đỗ Đức Lâm**

Thư ký phiên tòa: Bà **Ka Hít**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hà**- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 244/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1974

Địa chỉ: Số 07 Trương Định, tổ 7, thị trấn Lộc T, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1976

Nơi đăng ký HKTT: Tổ 7, thị trấn Lộc T, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ: Tổ 18, thị trấn Lộc T, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Bà T có mặt, bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/10/2019 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Do có mối quan hệ quen biết, sống cùng tổ dân phố với bà T nên ngày 11/01/2016 bà T cho bà T vay 100.000.000 đồng, bà T có viết giấy vay tiền, ký tên, nhận tiền tại nhà bà T, đến ngày 11/3/2017 phải trả nợ, lãi thỏa thuận 2%/tháng. Bà T có đưa cho bà T giữ 01 giấy chứng nhận QSD đất bản chính số hiệu CD 159681 thửa đất số 655-TBĐ 105 xã Lộc N, huyện B đứng tên của bà T để làm tin, quá trình vay bà T trả đủ tiền lãi còn tiền gốc chưa trả. Ngày 11/01/2017 bà T

viết lại giấy nợ mới giao cho bà T vì bà T muốn mượn lại giấy chứng nhận QSD đất trước đây đã đưa cho bà T, đồng thời giao lại cho bà T 01 giấy chứng nhận QSD đất khác đứng tên Nguyễn Kha Thụy V và lấy lại giấy vay gốc đã viết 2016. Theo giấy vay này, hạn trả gốc là ngày 01/3/2017, lãi suất theo ngân hàng là 1%/tháng. Tuy nhiên từ ngày 11/01/2017 bà T không trả nợ gốc, lãi cho bà T. Tháng 3/2018 bà T khởi kiện bà T tại Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm nên bà T có thỏa thuận với bà T và viết lại giấy vay tiền ngày 20/3/2018 thể hiện bà T còn nợ bà T 100.000.000 đồng, hẹn đến 20/3/2019 sẽ trả, lãi suất 1%/tháng. Số nợ trên đã quá hạn, bà T đòi nợ nhiều lần nhưng bà T không trả. Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà T trả cho bà số tiền gốc đã vay là 100.000.000 đồng, lãi phát sinh tạm tính từ 20/3/2018 đến 17/6/2020: $26 \text{ tháng } 27 \text{ ngày} \times 1\% \times 100.000.000 \text{ đồng} = 26.900.000 \text{ đồng}$. Tổng cả gốc và lãi bà T yêu cầu bà T phải trả là 126.900.000 đồng. Bà T đồng ý trả lại cho bà T 01 giấy chứng nhận QSD đất gốc đứng tên Nguyễn Kha Thụy V.

Tại bản tự khai ngày 22/5/2020, bị đơn bà Nguyễn Thanh T trình bày: Bà T xác nhận có vay của bà T số tiền 100.000.000 đồng là đúng, lãi trước đây có thỏa thuận là 2%/tháng, đã trả lãi đến ngày viết lại giấy vay 20/3/2018 còn gốc chưa trả được cho bà T. Nay bà T yêu cầu trả nợ gốc 100.000.000 đồng và lãi phát sinh theo lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 20/3/2018 thì bà đồng ý, nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên yêu cầu bà T cho trả dần tiền gốc và không tính lãi. Đối với tiền lãi trước đây bà T đã trả cho bà T thì đồng ý và không yêu cầu tính lại.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 12/5/2020 nhưng không được, nguyên đơn bà T có mặt, bị đơn bà T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt. Bà T có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải lần thứ hai, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến của mình và trình bày bổ sung: Bà T đưa cho bà 03 giấy chứng nhận QSD đất để làm tin và đã lấy lại 02 giấy chứng nhận QSD đất đứng tên bà T, còn lại 01 giấy QSD đất đứng tên Nguyễn Kha Thụy V hiện nay bà đang giữ. Bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi 126.900.000 đồng, buộc nguyên đơn trả lại cho bị đơn 01 giấy chứng nhận QSD đất (bản chính) đứng tên Nguyễn Kha Thụy V. Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Nguyễn Thanh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

2. Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đối với bị đơn bà Nguyễn Thanh T và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thấy rằng:

Bà T có mối quan hệ quen biết, là hàng xóm của bà T trước đây. Tại “*giấy vay tiền*” ghi ngày 11/01/2016 thể hiện bà T cho bà T vay 100.000.000 đồng, hạn đến 11/3/2017 trả nợ, ghi lãi suất 2%, bà T và bà T thống nhất xác nhận lãi suất 2%/tháng. Bà T có đưa cho bà T giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu CD 159681 của thửa đất số 655, tờ bản đồ 105 xã Lộc N, huyện B đứng tên bà T để làm tin. Bà T viết giấy vay, ký, ghi họ tên, bà T trình bày bà T trực tiếp nhận tiền tại nhà bà T và có trả lãi đầy đủ cho bà T. Ngày 11/01/2017 bà T viết một “*giấy vay tiền*” với nội dung có vay của bà T 100.000.000 đồng, hạn đến 01/3/2017 sẽ trả nợ, lãi suất theo ngân hàng, bà T có ghi gửi cho bà T 01 giấy chứng nhận QSD đất đứng tên Nguyễn Thanh T đối với thửa đất 1117, tờ bản đồ 26, khu 5- thị trấn Lộc T, huyện B, khi nào bà T trả nợ thì bà T trả lại và ký, ghi họ tên. Bà T trình bày do không trả được nợ gốc nên bà T viết lại giấy vay tiền đồng thời thỏa thuận lãi 1%/tháng, bà T mượn lại giấy chứng nhận QSD đất trước đây đã đưa cho bà T và đưa lại cho bà 01 giấy chứng nhận QSD đất khác. Đến ngày 20/3/2018 bà T viết một “*giấy vay tiền*” thể hiện bà T có vay của bà T 100.000.000 đồng, lãi suất theo ngân hàng, hạn ngày 20/3/2019 trả nợ, bà T ký, ghi họ tên. Bà T trình bày bà T viết lại giấy vay là khát nợ, lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng, bà T trả lãi đến ngày 20/3/2018, còn gốc chưa trả được, tuy viết 03 giấy vay tiền nhưng bà T chỉ cho bà T vay 01 khoản tiền 100.000.000 đồng từ ngày 11/01/2016. Tất cả các lần bà T viết lại giấy vay là do bà T tự viết mục đích là khát nợ. Bà T cũng thừa nhận có vay của bà T số tiền 100.000.000 đồng, có viết lại giấy vay ngày 20/3/2018 nhưng thực tế đã vay trước đó, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng. Nay bà T đồng ý trả nợ cho bà T số tiền gốc 100.000.000 đồng, do khó khăn nên yêu cầu được trả dần. Vì vậy việc bà T khởi kiện yêu cầu bà T trả số nợ gốc 100.000.000 đồng là có căn cứ và đúng pháp luật nên cần chấp nhận. Về lãi phát sinh bà T yêu cầu tính lãi từ 20/3/2018 đến 17/6/2020 với lãi suất 1%/tháng, bà T đồng ý lãi suất 1%/ tháng, thừa nhận từ 20/3/2018 đến nay chưa trả lãi, lãi trả cho bà T trước đây không yêu cầu tính lại. Tại phiên tòa bà T vẫn yêu cầu tính lãi với lãi suất 1%/tháng là phù hợp nên được chấp nhận. Buộc bà T phải trả cho bà T số tiền lãi phát sinh từ ngày 20/3/2018 đến 17/6/2020: 26 tháng 27 ngày x 1%/tháng x 100.000.000 đồng = 26.900.000 đồng. Tổng số gốc là lãi buộc bà T phải trả cho bà T là 126.900.000 đồng. Quá trình cho vay bà T có đưa cho bà T giữ 01 giấy chứng

nhận QSD đất số hiệu BA 858734 do UBND huyện Bảo Lâm cấp ngày 01/4/2010 đứng tên Nguyễn Kha Thụy V đối với thửa đất số 775- Tờ bản đồ 21 thị trấn Lộc T, huyện B, vì vậy cần buộc bà T trả lại cho bà T 01 giấy chứng nhận QSD đất trên là đúng pháp luật.

Về án phí: Đây là vụ án dân sự có giá ngạch, do yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thanh T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 6.345.000 đồng (126.900.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 275, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với bà Nguyễn Thanh T về việc *“Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”*.

Buộc bà Nguyễn Thanh T phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 126.900.000 (một trăm hai mươi sáu triệu chín trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”.

Buộc bà Nguyễn Thị T trả lại cho bà Nguyễn Thanh T 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu BA 858734 do Ủy ban nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 01/4/2010 đứng tên Nguyễn Kha Thụy V, sinh năm 1971- Địa chỉ thường trú: Khu 1, phường Lộc S, thị xã B, tỉnh Lâm Đồng đối với thửa đất 775- tờ bản đồ 21- diện tích 418 m²- thị trấn Lộc T, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thanh T phải nộp 6.345.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền 3.025.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2016/0019458 ngày 12/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án

dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Bích Thủy